

Số: /TB-THPTTHĐ

Hội An Đông, ngày tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

**V/v tập trung học sinh đủ điểm chuẩn vào lớp 10 năm học 2026-2027
và hướng dẫn tư vấn, lựa chọn môn học và cụm chuyên đề học tập**

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BGD&ĐT ngày 03/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông báo số 2702/SGD&ĐT-QLCL ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc thông báo điểm chuẩn trúng tuyển, Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027;

Nay, Hiệu trưởng Trường THPT Trần Hưng Đạo trân trọng kính mời quý cha mẹ học sinh và các em học sinh đủ điểm chuẩn vào lớp 10 năm học 2026-2027 tập trung về trường để thực hiện các nội dung sau:

- Nghe lãnh đạo nhà trường tư vấn, lựa chọn môn học và cụm chuyên đề học tập, dự kiến xếp lớp, hướng dẫn về sách giáo khoa và thủ tục nhập học.
- Một số nội dung cần chuẩn bị cho năm học mới.

Thời gian: 6 giờ 30 phút ngày 15 tháng 7 năm 2026 (Sáng Thứ tư).

Địa điểm: Sân trường THPT Trần Hưng Đạo (Số 170-Cửa Đại, phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng).

* **Lưu ý:** Để thuận tiện cho công tác điểm danh của Nhà trường, Văn phòng đề nghị các em học sinh khi tập trung phải nhớ số thứ tự của mình trong danh sách kèm theo Thông báo này.

Trường THPT Trần Hưng Đạo trân trọng thông báo đến toàn thể quý phụ huynh và các em học sinh đủ điểm chuẩn vào lớp 10 năm học 2026-2027 của Trường THPT Trần Hưng Đạo được biết và cùng tham dự buổi tư vấn để không làm ảnh hưởng đến công việc chung.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- PH và HS lớp 10, NH 2026-2027;
- Đoàn trường và Tổ Văn phòng;
- Đăng tải trên Website, Fb Đoàn trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang

Phụ lục
DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027

Trường THPT Trần Hưng Đạo

(Ban hành kèm theo Thông báo số 110/TB-THPTTHĐ ngày 30/6/2026 của Trường THPT Trần Hưng Đạo)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
1	Lê Minh An	26/04/2011	Nam	049211002228	0	9.25	7.75	5.75	8.25	31.00	
2	Nguyễn Thanh An	25/03/2011	Nam	049211016971	0	10.00	7.00	5.75	6.00	28.75	
3	Nguyễn Thị Hoài An	10/02/2011	Nữ	049311013872	0	10.00	9.00	8.25	7.75	35.00	
4	Phan Nguyễn Đình An	13/12/2011	Nam	049211008173	0	9.00	5.75	2.50	3.00	20.25	
5	Phạm Công Thái An	05/08/2011	Nam	049211012271	0	9.75	5.75	8.25	5.50	29.25	
6	Bành Phương Anh	27/02/2011	Nữ	049311003280	0	10.00	8.00	9.00	9.50	36.50	
7	Hồ Khang Anh	15/09/2011	Nam	049211010926	0	8.00	4.75	3.00	5.75	21.50	
8	Lương Thị Quỳnh Anh	07/05/2011	Nữ	049311016071	0	9.25	7.25	4.25	6.25	27.00	
9	Nguyễn Bách Diệp Anh	07/04/2011	Nữ	049311012941	0	10.00	7.25	6.00	9.00	32.25	
10	Nguyễn Dương Kỳ Anh	16/10/2011	Nam	049211005506	0	9.00	5.50	6.00	5.75	26.25	
11	Phùng Ngọc Kim Anh	23/01/2011	Nữ	049311006527	0	10.00	7.75	8.25	9.50	35.50	
12	Phùng Ngọc Lan Anh	23/01/2011	Nữ	049311003271	0	10.00	7.75	8.00	8.75	34.50	
13	Trần Phạm Hồng Anh	25/11/2011	Nữ	049311007185	0	8.50	7.25	3.25	6.25	25.25	
14	Trần Vũ Châu Anh	26/09/2011	Nữ	049311012243	0	10.00	8.25	7.00	8.25	33.50	
15	Võ Nguyễn Thiên Ân	12/02/2011	Nam	049211008891	0	8.75	5.75	1.75	4.25	20.50	
16	Bùi Hồ Gia Bảo	20/07/2011	Nam	049211010474	0	10.00	7.00	7.00	5.00	29.00	
17	Hồ Đắc Gia Bảo	27/11/2011	Nam	049211002417	0	9.50	6.25	4.50	4.25	24.50	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
18	Hồ Hoàng Bảo	20/09/2011	Nam	049211012261	0	9.00	5.00	3.00	6.25	23.25	
19	Lê Trần Quốc Bảo	30/08/2011	Nam	049211003185	0	9.25	6.50	3.75	5.75	25.25	
20	Lê Văn Gia Bảo	05/02/2011	Nam	048211006843	0	9.50	5.25	4.50	5.00	24.25	
21	Nguyễn Gia Bảo	13/10/2011	Nam	049211000841	0	9.50	4.00	7.25	6.25	27.00	
22	Phan Gia Bảo	02/05/2011	Nam	049211010038	0	8.50	4.25	2.75	5.25	20.75	
23	Phạm Lê Gia Bảo	20/07/2011	Nam	049211015423	0	10.00	6.50	6.25	6.50	29.25	
24	Trần Gia Bảo	14/03/2011	Nam	049211006293	0	8.50	6.00	1.75	4.00	20.25	
25	Trần Gia Bảo	20/10/2011	Nam	049211005074	0	8.00	4.50	4.00	4.25	20.75	
26	Lê Doãn Hoàng Bách	04/11/2011	Nam	049211006081	0	9.00	6.00	5.25	4.75	25.00	
27	Nguyễn Hoàng Bách	27/03/2011	Nam	049211005933	0	10.00	7.50	4.50	8.25	30.25	
28	Trần Lưu Bình	06/03/2011	Nam	049211012911	0	9.25	5.00	4.50	3.50	22.25	
29	Lê Viết Cảnh	17/10/2011	Nam	049211014383	0	10.00	5.75	6.50	9.00	31.25	
30	Trần Ngọc Cẩm	20/12/2011	Nam	049211015869	0	9.75	4.75	6.50	7.75	28.75	
31	Đỗ Văn Triều Châu	27/04/2011	Nam	049211014370	0	9.50	6.00	4.75	7.25	27.50	
32	Lê Ngọc Bảo Châu	27/01/2011	Nữ	049311008865	0	10.00	5.00	5.00	7.25	27.25	
33	Phạm Lê Bảo Châu	04/11/2011	Nữ	049311004886	0	9.75	5.50	6.25	6.00	27.50	
34	Trần Diễm Chi	11/06/2011	Nữ	049311015232	0	10.00	5.75	7.75	8.50	32.00	
35	Đặng Văn Hoài Cường	15/02/2011	Nam	064211009117	0	8.00	5.00	4.25	5.50	22.75	
36	Trần Lê Duy Cường	25/10/2011	Nam	049211005320	0	8.00	5.00	5.00	3.00	21.00	
37	Lê Trần Công Danh	12/05/2011	Nam	049211000652	0	9.00	4.00	5.00	3.50	21.50	
38	Lê Thị Doan	04/10/2011	Nữ	049311008245	0	9.75	6.50	7.00	6.75	30.00	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
39	Lê Công Phú Duy	17/04/2011	Nam	049211000840	0	8.50	6.00	5.50	4.00	24.00	
40	Phan Ngọc Duy	04/08/2011	Nam	049211016916	0	9.50	5.50	7.25	8.25	30.50	
41	Mai Kỳ Duyên	28/07/2011	Nữ	049311015894	0	10.00	5.75	6.25	7.00	29.00	
42	Nguyễn Hồ Kỳ Duyên	25/05/2011	Nữ	049311008676	0	10.00	6.00	5.50	7.25	28.75	
43	Đinh Hoàng Bảo Đan	08/03/2011	Nữ	049311013159	0	10.00	7.00	6.50	9.00	32.50	
44	Nguyễn Thị Việt Đan	16/04/2011	Nữ	049311006855	0	10.00	7.25	7.25	5.00	29.50	
45	Nguyễn Quốc Đạt	09/04/2011	Nam	049211014395	0	9.00	5.50	3.75	5.25	23.50	
46	Nguyễn Tấn Đạt	22/05/2011	Nam	049211016986	0	8.50	5.25	2.25	4.25	20.25	
47	Nguyễn Tiến Đạt	20/10/2011	Nam	049211003857	0	8.50	5.00	4.25	4.25	22.00	
48	Phùng Phú Đạt	21/08/2011	Nam	049211001742	0	9.25	6.00	3.50	4.75	23.50	
49	Trần Quốc Đạt	04/07/2011	Nam	049211011941	0	9.00	6.75	1.50	5.50	22.75	
50	Võ Minh Đạt	13/10/2011	Nam	049211000308	0	8.75	5.00	8.00	4.75	26.50	
51	Huỳnh Hải Đăng	17/09/2011	Nam	049211011806	0	9.50	5.75	8.75	4.75	28.75	
52	Lê Nguyên Ân Diễm	14/07/2010	Nam	049210012138	0	9.50	4.75	5.00	5.75	25.00	
53	Vương Ngọc Linh Đoan	07/11/2011	Nữ	049311001366	0	10.00	7.00	5.75	6.50	29.25	
54	Lê Phương Đông	06/09/2011	Nam	049211014040	0	9.75	5.50	6.00	5.50	26.75	
55	Đào Minh Đức	07/08/2011	Nam	001211021184	0	10.00	7.00	8.25	9.75	35.00	
56	Lê Đỗ Tấn Đức	23/05/2011	Nam	049211005524	0	9.00	4.50	5.50	2.75	21.75	
57	Nguyễn Minh Đức	03/07/2011	Nam	049211002914	0	9.50	5.00	5.00	7.00	26.50	
58	Hoàng Nguyễn Hương Giang	17/10/2011	Nữ	049311007148	0	9.50	7.50	5.25	8.75	31.00	
59	Nguyễn Thành Giang	04/04/2011	Nam	049211016256	0	10.00	6.75	4.75	5.75	27.25	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
60	Nguyễn Thị Hương Giang	25/02/2011	Nữ	049311002775	0	10.00	6.75	5.25	8.50	30.50	
61	Zanellato Giovanni	05/01/2011	Nam	049211000816	0	8.50	5.00	2.00	5.75	22.25	
62	Nguyễn Thị Bảo Hà	03/12/2011	Nữ	049311001736	0	9.75	6.75	8.00	8.00	32.50	
63	Nguyễn Quốc Anh Hào	23/12/2011	Nam	079211034082	0	9.75	6.50	8.25	7.00	31.50	
64	Lê Hoàng Hải	31/10/2011	Nam	049211002236	0	7.50	5.25	3.25	5.50	21.50	
65	Nguyễn Minh Hải	14/08/2011	Nam	048211002275	0	9.25	6.25	6.00	9.25	30.75	
66	Nguyễn Thị Kim Hạnh	28/03/2011	Nữ	049311001254	0	10.00	8.00	8.00	9.75	35.75	
67	Nguyễn Văn Hạnh	28/06/2011	Nam	048211006876	0	8.00	5.50	5.25	3.75	22.50	
68	Đỗ Gia Hân	03/04/2011	Nữ	049311001535	0	9.00	5.00	1.75	5.75	21.50	
69	Hồ Quỳnh Hân	17/07/2011	Nữ	049311010796	0	9.25	6.25	5.25	7.50	28.25	
70	Mai Kiều Bảo Hân	24/08/2011	Nữ	049311008938	0	8.50	4.25	4.50	7.00	24.25	
71	Ngô Thị Ngọc Hân	16/09/2011	Nữ	049311010250	0	9.00	5.75	4.00	4.00	22.75	
72	Nguyễn Lê Bảo Hân	16/11/2011	Nữ	049311007744	0	9.00	7.50	5.00	6.25	27.75	
73	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	16/10/2011	Nữ	049311010620	0	8.50	5.50	2.50	6.25	22.75	
74	Nguyễn Vương Bảo Hân	29/06/2011	Nữ	049311007745	0	9.00	6.50	3.75	6.75	26.00	
75	Phan Trần Gia Hân	29/08/2011	Nữ	040311004279	0	10.00	7.25	5.75	9.25	32.25	
76	Trần Đoàn Bảo Hân	17/03/2011	Nữ	049311000833	0	9.00	6.50	3.00	5.25	23.75	
77	Trần Thị Thanh Bảo Hân	02/10/2011	Nữ	049311000884	0	7.50	4.00	4.50	5.25	21.25	
78	Võ Nguyễn Ngọc Hân	08/11/2011	Nữ	049311011723	0	7.50	6.00	4.25	2.50	20.25	
79	Võ Thị Bảo Hân	24/02/2011	Nữ	049311015045	0	9.00	5.25	3.50	5.25	23.00	
80	Lâm Thị Diễm Hằng	31/08/2011	Nữ	049311013948	0	10.00	6.25	5.00	8.00	29.25	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
81	Lê Thị Thu Hiền	16/12/2011	Nữ	049311004769	0	9.25	7.50	6.50	6.75	30.00	
82	Nguyễn Viết Hiễn	30/12/2011	Nam	049211012284	0	8.00	4.00	5.75	6.50	24.25	
83	Đinh Nguyễn Chí Hiếu	28/03/2011	Nam	049211007182	0	10.00	5.75	4.00	9.00	28.75	
84	Khru Trần Trung Hiếu	20/09/2011	Nam	049211010619	0	9.00	6.00	5.50	4.50	25.00	
85	Lê Gia Hiếu	06/06/2011	Nam	049211007117	0	9.00	5.50	4.50	4.75	23.75	
86	Trần Minh Hiếu	05/12/2010	Nam	049210006208							HS tuyển thẳng
87	Trần Trọng Hiếu	30/11/2011	Nam	049211012232	0	9.00	5.25	5.50	7.25	27.00	
88	Nguyễn Song Nghĩa Hiệp	08/11/2011	Nam	049211006725	0	9.00	7.00	4.50	6.75	27.25	
89	Phan Hoàng Hữu Hiệp	14/12/2011	Nam	049211014961	0	9.50	4.25	4.25	5.00	23.00	
90	Huỳnh Hoa	23/08/2011	Nữ	049311011190	0	9.50	7.00	5.25	3.25	25.00	
91	Trần Thị Kim Hoa	05/12/2011	Nữ	049311003014	0	8.50	5.25	5.50	4.75	24.00	
92	Phạm Đình Hoài	29/11/2011	Nam	049211011998	0	9.00	6.75	6.25	7.00	29.00	
93	Mai Xuân Hoàn	28/09/2011	Nam	049211004348	0	10.00	8.00	6.75	9.25	34.00	
94	Huỳnh Viết Nhật Hoàng	31/03/2011	Nam	049211014705	0	9.00	6.25	4.50	5.50	25.25	
95	Lê Huy Hoàng	13/09/2011	Nam	049211003428	0	7.50	4.50	4.50	6.75	23.25	
96	Lê Văn Nhật Hoàng	14/10/2011	Nam	049211013692	0	9.25	5.00	6.00	4.50	24.75	
97	Nguyễn Kim Minh Hoàng	30/05/2011	Nam	049211012369	0	8.00	3.00	4.00	5.25	20.25	
98	Nguyễn Trung Hoàng	08/06/2011	Nam	049211015789	0	10.00	7.75	5.25	7.50	30.50	
99	Phạm Minh Hoàng	18/04/2011	Nam	049211007666	0	8.50	4.50	3.75	5.25	22.00	
100	Võ Hữu Hoàng	21/11/2011	Nam	049211003811	0	9.00	5.75	1.00	5.00	20.75	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
101	Phạm Viết Hòa	12/05/2011	Nam	049211007063	0	9.75	5.50	2.00	5.25	22.50	
102	Trần Kim Hòa	23/02/2011	Nam	049211006409	0	9.00	5.75	1.25	4.25	20.25	
103	Huỳnh Thị Diễm Hồng	28/11/2011	Nữ	049311001198	0	10.00	6.50	7.50	7.50	31.50	
104	Lê Nguyễn Duy Hội	26/11/2011	Nam	049211010397	0	9.00	4.75	3.00	8.25	25.00	
105	Huỳnh Thị Kim Huệ	25/12/2011	Nữ	049311006068	0	10.00	8.00	8.75	6.75	33.50	
106	Lê Phạm Kim Huệ	26/11/2011	Nữ	049311007481	0	9.25	7.00	4.75	5.75	26.75	
107	Đỗ Gia Huy	25/02/2011	Nam	049211011096	0	9.00	3.50	5.50	7.50	25.50	
108	Hồ Nhật Huy	14/02/2011	Nam	049211014033	0	9.50	5.75	3.50	5.75	24.50	
109	Hồ Văn Minh Huy	11/05/2011	Nam	049211004173	0	9.25	4.75	4.00	7.00	25.50	
110	Huỳnh Nguyễn Minh Huy	26/11/2011	Nam	049211012290	0	10.00	6.25	6.00	9.25	31.50	
111	Kiều Võ Gia Huy	09/11/2011	Nam	049211009073	0	8.50	4.25	3.00	6.50	22.25	
112	Lê Công Nhật Huy	02/07/2011	Nam	049211004046	0	8.00	5.00	5.00	5.00	23.00	
113	Ngô Gia Huy	12/10/2011	Nam	049211012296	0	9.25	6.25	4.50	4.25	24.25	
114	Nguyễn Đình Phước Huy	31/03/2011	Nam	049211006637	0	10.00	7.50	4.75	6.25	28.50	
115	Trần Gia Huy	03/04/2011	Nam	049211008671	0	9.00	5.50	2.00	4.25	20.75	
116	Trần Văn Gia Huy	26/12/2011	Nam	049211016810	0	9.00	4.00	2.75	6.25	22.00	
117	Lê Thị Thu Huyền	08/08/2011	Nữ	049311010883	0	10.00	8.00	7.50	7.75	33.25	
118	Nguyễn Trần Thanh Huyền	30/09/2011	Nữ	049311003237	0	9.00	5.50	5.75	4.50	24.75	
119	Phạm Huỳnh Ngọc Huyền	31/03/2011	Nữ	049311011016	0	8.00	4.25	4.00	4.00	20.25	
120	Nguyễn Duy Hùng	25/09/2011	Nam	049211011839	0	9.00	5.25	4.25	4.00	22.50	
121	Nguyễn Khắc Hùng	14/03/2011	Nam	049211014307	0	9.50	6.75	3.25	5.50	25.00	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
122	Huỳnh Gia Hưng	27/04/2011	Nam	049211010884	0	10.00	5.00	6.50	8.25	29.75	
123	Lê Minh Hưng	25/08/2011	Nam	049211003337	0	10.00	7.00	8.00	6.25	31.25	
124	Lê Tổng Bảo Hưng	17/07/2011	Nam	049211016550	0	9.00	6.50	5.25	6.75	27.50	
125	Nguyễn Tiến Hưng	07/09/2011	Nam	049211005243	0	10.00	6.25	7.75	8.75	32.75	
126	Hà Quỳnh Hương	08/07/2011	Nữ	049311007058	0	8.00	6.50	3.75	3.50	21.75	
127	Lê Nguyễn Thiên Hương	06/04/2011	Nữ	049311014194	0	9.25	6.50	5.00	6.75	27.50	
128	Nguyễn Thị Thu Hường	15/08/2011	Nữ	049311006788	0	8.00	4.50	3.75	5.25	21.50	
129	Nguyễn Khang Hy	04/05/2011	Nam	049211003327	0	10.00	8.00	8.00	8.75	34.75	
130	William Dan Kaae	26/11/2011	Nam	049211009155	0	9.00	5.25	5.75	6.25	26.25	
131	Đặng Phú Khang	24/07/2011	Nam	049211013127	0	9.50	4.00	6.25	6.75	26.50	
132	Đỗ Hoàng Bảo Khang	06/07/2011	Nam	049211004309	0	8.00	4.25	3.00	5.25	20.50	
133	Lê Nguyễn Vĩnh Khang	22/06/2011	Nam	049211007760	0	9.50	6.50	6.00	7.00	29.00	
134	Lê Trọng Khang	11/09/2011	Nam	049211007669	0	9.00	5.25	3.00	4.25	21.50	
135	Lê Vũ Khang	03/02/2011	Nam	049211015340	0	9.00	6.00	3.75	3.00	21.75	
136	Nguyễn Văn Vĩnh Khang	11/09/2011	Nam	049211014438	0	8.00	6.00	5.50	4.75	24.25	
137	Võ Đình Phú Khang	29/10/2011	Nam	049211001010	0	9.00	6.00	8.25	5.50	28.75	
138	Lê Nhã Khanh	18/12/2011	Nữ	049311002632	0	8.00	6.25	5.00	3.50	22.75	
139	Dương Tấn Khải	26/01/2011	Nam	049211005020	0	9.25	5.00	3.75	4.50	22.50	
140	Nguyễn Hoàng Khải	10/12/2011	Nam	049211005793	0	9.75	7.25	5.75	6.25	29.00	
141	Lê Nam Khánh	05/11/2011	Nam	049211001031	0	9.00	5.75	6.75	8.50	30.00	
142	Nguyễn Lê Bảo Khánh	21/11/2011	Nữ	075311009420	0	8.50	3.00	5.25	6.25	23.00	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
143	Phạm Huy Khánh	06/10/2011	Nam	049211009703	0	10.00	7.00	7.25	7.75	32.00	
144	Tạ Ngân Khánh	08/08/2011	Nữ	049311003383	0	8.50	4.25	3.50	6.50	22.75	
145	Thái Gia Khánh	24/09/2011	Nam	049211001328	1	9.25	5.00	4.50	5.25	25.00	
146	Trần Gia Khiêm	08/02/2011	Nam	049211009955	0	10.00	6.75	5.50	7.50	29.75	
147	Đào Duy Khoa	09/04/2011	Nam	049211008467	0	8.50	3.50	6.50	4.75	23.25	
148	Lê Anh Khoa	05/10/2011	Nam	049211006093	0	10.00	6.25	6.00	7.25	29.50	
149	Lê Quang Khoa	05/08/2011	Nam	049211008775	0	10.00	6.75	7.50	8.25	32.50	
150	Lê Trần Anh Khoa	22/03/2011	Nam	049211015704	0	9.00	5.25	3.00	7.25	24.50	
151	Nguyễn Anh Khoa	15/01/2011	Nam	049211017737	0	9.25	6.25	6.25	3.25	25.00	
152	Nguyễn Hữu Anh Khoa	19/10/2011	Nam	049211007503	0	9.00	6.00	3.50	2.75	21.25	
153	Nguyễn Xuân Khoa	02/04/2011	Nam	049211012259	0	8.50	4.00	2.50	5.75	20.75	
154	Tổng Nguyễn Anh Khoa	05/12/2011	Nam	049211016355	0	9.00	3.75	4.00	4.75	21.50	
155	Trần Duy Khoa	20/04/2011	Nam	049211008431	0	10.00	6.75	8.00	8.50	33.25	
156	Huỳnh Phan Đăng Khôi	20/04/2011	Nam	049211006956	0	9.50	3.00	8.00	5.75	26.25	
157	Lê Đăng Khôi	30/04/2011	Nam	049211011163	0	9.00	6.75	2.25	4.50	22.50	
158	Lê Vũ Nguyên Khôi	04/01/2011	Nam	049211012953	0	10.00	5.75	5.25	7.00	28.00	
159	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	17/08/2011	Nam	049211003708	0	8.50	4.25	5.25	5.00	23.00	
160	Nguyễn Tấn Kiệt	17/03/2011	Nam	049211015984	0	9.00	6.00	2.75	3.75	21.50	
161	Nguyễn Tuấn Kiệt	02/10/2011	Nam	049211009352	0	9.50	6.00	8.25	6.00	29.75	
162	Nguyễn Tiêu Nhã Kỳ	01/01/2011	Nữ	049311014919	0	10.00	6.75	6.00	8.25	31.00	
163	Bùi Nguyễn Thùy Linh	30/01/2011	Nữ	049311010260	0	9.00	6.25	2.75	3.75	21.75	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
164	Đoàn Ngọc Khánh Linh	22/05/2011	Nữ	049311013766	0	10.00	8.25	6.75	10.00	35.00	
165	Lê Thị Hoàng Linh	24/07/2011	Nữ	049311015075	0	9.75	7.25	5.75	7.25	30.00	
166	Nguyễn Hoàng Gia Linh	21/07/2011	Nữ	049311000731	0	10.00	7.25	6.00	9.00	32.25	
167	Trần Lê Phương Linh	09/12/2011	Nữ	049311009062	0	9.00	5.00	5.25	5.00	24.25	
168	Trần Phương Linh	28/06/2011	Nữ	049311014530	0	10.00	5.75	2.75	8.25	26.75	
169	Lê Trần Diệu Loan	15/10/2011	Nữ	049311007919	0	9.75	8.00	7.75	6.75	32.25	
170	Đoàn Hữu Long	04/02/2011	Nam	001211003207	0	10.00	6.00	7.00	8.00	31.00	
171	Huỳnh Thiên Long	01/11/2011	Nam	049211003796	0	9.75	6.75	5.00	7.25	28.75	
172	Võ Hữu Phi Long	23/09/2011	Nam	048211007724	0	9.00	5.25	2.00	4.00	20.25	
173	Hà Lâm Lộc	25/07/2011	Nam	049211015200	0	9.50	6.75	6.25	5.75	28.25	
174	Trần Nguyễn Đình Luân	07/10/2011	Nam	049211005311	0	9.00	7.00	3.25	3.75	23.00	
175	Nguyễn Yên Ly	28/07/2011	Nữ	049311006685	0	10.00	8.50	7.00	8.75	34.25	
176	Ngô Hàn Lyna	14/10/2011	Nữ	049311003127	0	10.00	6.75	4.25	7.50	28.50	
177	Đỗ Nguyễn Thiên Lý	17/03/2011	Nữ	049311004282	0	10.00	8.75	6.75	9.00	34.50	
178	Huỳnh Công Lý	11/06/2011	Nam	049211013548	0	9.00	5.50	2.50	4.25	21.25	
179	Nguyễn Văn Lý	18/07/2011	Nam	049211013571	0	8.50	5.75	5.25	1.50	21.00	
180	Huỳnh Phước Mạnh	02/06/2011	Nam	049211013964	0	9.50	6.50	6.25	7.25	29.50	
181	Nguyễn Văn Duy Mạnh	24/03/2011	Nam	049211016018	0	9.25	4.50	6.50	8.25	28.50	
182	Nguyễn Vĩnh Minh	11/11/2011	Nam	049211013959	0	8.50	5.00	1.75	5.50	20.75	
183	Phùng Nhật Minh	06/03/2011	Nam	049211002312	0	10.00	7.00	5.50	7.25	29.75	
184	Trần Công Quang Minh	20/01/2011	Nam	049211013040	0	10.00	7.25	5.25	6.50	29.00	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
185	Lê Hoàng Thảo My	06/06/2011	Nữ	049311008768	0	10.00	6.75	6.00	6.75	29.50	
186	Lê Ngọc Kiều My	03/08/2011	Nữ	049311006266	0	8.50	7.75	3.75	6.75	26.75	
187	Lê Li Na	18/10/2011	Nữ	049311010076	0	10.00	5.25	8.25	8.00	31.50	
188	Nguyễn Lê My Na	08/03/2011	Nữ	049311014911	0	9.25	4.75	3.25	3.00	20.25	
189	Trần Thị Bảo Na	05/03/2011	Nữ	049311006784	0	10.00	7.25	5.75	8.25	31.25	
190	Nguyễn Nhật Nam	26/07/2011	Nam	049211010602	0	10.00	7.00	8.75	8.25	34.00	
191	Phùng Hồng Nga	15/08/2011	Nữ	049311010896	0	9.00	5.50	6.00	4.75	25.25	
192	Đoàn Lê Khánh Ngân	15/02/2011	Nữ	049311010777	0	8.50	7.00	3.75	5.75	26.00	
193	Lê Văn Ngân	06/08/2011	Nam	049211003410	0	9.00	6.25	3.50	5.25	24.00	
194	Nguyễn Hà Ngân	26/12/2011	Nữ	049311015669	0	9.75	7.00	4.75	7.25	28.75	
195	Nguyễn Lê Thảo Ngân	04/06/2011	Nữ	049311007819	0	9.25	4.25	5.00	6.75	25.25	
196	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	26/03/2011	Nữ	049311013854	0	9.00	7.50	4.50	7.50	28.50	
197	Nguyễn Ngọc Thùy Ngân	02/08/2011	Nữ	049311005837	0	9.00	5.75	6.25	8.50	29.50	
198	Trần Kim Ngân	04/12/2011	Nữ	049311008876	0	8.00	5.75	4.00	3.00	20.75	
199	Trần Kim Ngân	21/09/2011	Nữ	048311001257	0	9.25	5.75	6.00	6.50	27.50	
200	Trần Lê Bảo Ngân	22/12/2011	Nữ	049311012144	0	8.75	5.00	4.00	4.75	22.50	
201	Nguyễn Hiếu Nghĩa	29/10/2011	Nam	049211003067	0	9.75	6.75	7.00	7.50	31.00	
202	Nguyễn Minh Nghĩa	05/11/2011	Nam	049211010252	0	9.00	4.25	4.75	4.25	22.25	
203	Nguyễn Ngọc Nhân Nghĩa	06/05/2011	Nam	049211016332	0	9.50	6.25	6.50	6.50	28.75	
204	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	03/10/2011	Nữ	049311005060	0	10.00	7.00	5.75	7.75	30.50	
205	Dương Đình Như Ngọc	05/12/2011	Nữ	049311015655	0	9.75	5.50	5.00	7.75	28.00	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
206	Đặng Lê Bảo Ngọc	14/03/2011	Nữ	049311001378	0	8.75	5.75	4.25	5.50	24.25	
207	Đinh Thị Hồng Ngọc	24/07/2011	Nữ	049311014662	0	8.75	6.75	5.00	4.75	25.25	
208	Lê Bảo Ngọc	26/06/2011	Nữ	049311010138	0	9.50	8.50	2.75	4.75	25.50	
209	Nguyễn Hoài Bảo Ngọc	21/07/2011	Nữ	049311009556	0	8.50	5.25	5.00	4.00	22.75	
210	Nguyễn Lê Minh Ngọc	22/10/2011	Nữ	049311005467	0	9.50	7.00	4.25	1.50	22.25	
211	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	05/05/2011	Nữ	049311003868	0	9.00	6.25	3.25	5.00	23.50	
212	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	04/02/2011	Nữ	049311012573	0	9.25	7.25	4.75	7.25	28.50	
213	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	14/11/2011	Nữ	049311012537	0	10.00	6.75	6.00	6.75	29.50	
214	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	25/11/2011	Nữ	049311000742	0	8.50	6.75	2.50	5.75	23.50	
215	Cao Phạm Phú Nguyên	24/04/2011	Nam	049211013934	0	10.00	7.00	5.25	7.00	29.25	
216	Đặng Đào Bảo Nguyên	24/10/2011	Nam	049211016127	0	7.50	6.75	3.00	5.50	22.75	
217	Huỳnh Ngọc Đoan Nguyên	25/01/2011	Nữ	049311010911	0	10.00	6.00	6.00	7.25	29.25	
218	Huỳnh Nguyễn Bảo Nguyên	29/11/2011	Nam	049211009553	0	8.75	3.50	2.50	5.75	20.50	
219	Lê Ngô Trí Nguyên	22/05/2011	Nam	049211013430	0	10.00	5.75	5.00	6.50	27.25	
220	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	05/04/2011	Nữ	049311000466	0	9.00	7.00	3.50	6.50	26.00	
221	Trần Anh Nguyên	25/10/2011	Nam	049211001826	0	9.00	5.50	5.25	5.25	25.00	
222	Lê Quốc Nhân	08/06/2011	Nam	048211005412	0	8.50	7.75	2.00	3.00	21.25	
223	Phạm Thành Nhân	17/06/2011	Nam	049211005681	0	9.00	6.00	6.00	6.25	27.25	
224	Trần Văn Bảo Nhân	25/09/2011	Nam	049211015036	0	9.50	6.25	8.75	5.00	29.50	
225	Võ Thiện Nhân	06/02/2011	Nam	052211002948	0	10.00	8.00	6.75	7.75	32.50	
226	Cao Song Nhật	31/12/2011	Nam	049211014530	0	9.50	4.75	4.00	9.75	28.00	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
227	Nguyễn Long Nhật	21/06/2011	Nam	066211003358	0	8.50	6.75	6.00	2.25	23.50	
228	Trần Đình Nhật	21/05/2011	Nam	049211001599	0	8.50	6.00	4.50	4.25	23.25	
229	Đỗ Thị Yến Nhi	07/10/2011	Nữ	049311013941	0	8.00	6.50	3.00	5.25	22.75	
230	Hoàng Nguyễn Gia Nhi	30/06/2011	Nữ	044311003584	0	10.00	7.25	6.75	5.75	29.75	
231	Lê Huỳnh Bảo Nhi	19/08/2011	Nữ	049311008887	0	8.50	6.50	4.50	4.50	24.00	
232	Lê Yến Nhi	16/06/2011	Nữ	049311001329	0	8.00	5.00	3.75	6.00	22.75	
233	Nguyễn Thảo Nhi	11/03/2011	Nữ	049311005464	0	9.00	4.75	4.00	5.25	23.00	
234	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	20/08/2011	Nữ	049311013934	0	9.25	6.75	3.50	6.25	25.75	
235	Nguyễn Thị Yến Nhi	23/06/2011	Nữ	052311005263	0	9.00	6.25	4.50	4.50	24.25	
236	Nguyễn Trương Uyên Nhi	10/11/2011	Nữ	049311015077	0	10.00	8.00	7.25	10.00	35.25	
237	Trần Ánh Nhi	21/05/2011	Nữ	049311014377	0	9.25	6.00	5.00	3.50	23.75	
238	Trần Nguyễn Thị Yến Nhi	05/02/2011	Nữ	049311015690	0	9.25	6.00	4.00	3.00	22.25	
239	Trần Yến Nhi	28/10/2011	Nữ	049311012327	0	7.50	5.50	3.50	4.50	21.00	
240	Trịnh Nguyễn Yến Nhi	07/01/2011	Nữ	049311007468	0	10.00	8.25	7.25	7.75	33.25	
241	Võ Thị Yến Nhi	10/12/2011	Nữ	049311003176	0	9.00	4.25	3.25	4.25	20.75	
242	Nguyễn An Nhiên	15/06/2011	Nữ	049311004843	0	9.50	5.50	4.00	7.50	26.50	
243	Đinh Thị Ngọc Nhung	31/10/2011	Nữ	049311005617	0	9.75	6.50	4.50	8.50	29.25	
244	Huỳnh Võ Kim Nhung	20/11/2011	Nữ	049311010897	0	7.50	6.25	4.00	4.75	22.50	
245	Trần Nguyễn Kim Nhung	25/11/2011	Nữ	049311009073	0	10.00	6.50	8.25	8.25	33.00	
246	Võ Thị Mỹ Nhung	12/11/2011	Nữ	049311009129	0	10.00	8.00	8.75	7.50	34.25	
247	Đinh Nguyễn Quỳnh Như	25/10/2011	Nữ	049311001190	0	9.25	5.00	6.50	7.25	28.00	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
248	Lê Quỳnh Như	15/02/2011	Nữ	049311015144	0	10.00	7.25	7.25	7.25	31.75	
249	Lê Thị Quỳnh Như	24/02/2011	Nữ	049311013864	0	10.00	6.50	7.25	7.25	31.00	
250	Nguyễn Thị Quỳnh Như	24/11/2011	Nữ	049311015838	0	8.75	6.50	2.25	2.75	20.25	
251	Võ Thị Bảo Như	14/06/2011	Nữ	049311014561	0	9.00	5.00	5.25	2.75	22.00	
252	Trần Thị Bảo Ny	05/03/2011	Nữ	049311007659	0	10.00	8.00	6.75	9.25	34.00	
253	Huỳnh Văn Phát	23/01/2011	Nam	049211006472	0	10.00	9.00	7.75	9.50	36.25	
254	Nguyễn Đức Phát	15/06/2011	Nam	049211003018	0	10.00	7.25	8.25	6.75	32.25	
255	Nguyễn Mạnh Phi	10/08/2011	Nam	049211004927	0	10.00	6.25	8.25	8.00	32.50	
256	Đình Thanh Phong	04/02/2011	Nam	049211009706	0	9.50	6.75	5.50	6.75	28.50	
257	Nguyễn Đình Hải Phong	18/04/2011	Nam	049211006583	0	9.75	7.25	5.50	7.75	30.25	
258	Phạm Hữu Phong	13/11/2011	Nam	049211013986	0	8.50	5.00	2.00	5.00	20.50	
259	Trần Duy Phong	05/11/2011	Nam	049211014078	0	10.00	7.25	7.50	8.00	32.75	
260	Trương Thanh Phong	10/11/2011	Nam	049211001716	0	9.25	6.00	6.75	5.25	27.25	
261	Ngô Thiên Phú	02/07/2011	Nam	049211013573	0	10.00	7.00	8.50	8.00	33.50	
262	Trương Văn Phú	04/04/2011	Nam	049211001721	0	7.50	5.00	4.25	5.00	21.75	
263	Đình Xuân Phúc	08/11/2011	Nam	049211012225	0	10.00	6.25	7.00	8.75	32.00	
264	Huỳnh Tấn Phúc	27/08/2011	Nam	049211015346	0	7.50	6.00	2.75	5.75	22.00	
265	Nguyễn Xuân Phúc	24/06/2011	Nam	048211004100	0	10.00	7.25	5.50	7.50	30.25	
266	Phạm Châu Phúc	07/01/2011	Nam	049211014077	0	9.25	5.50	4.75	6.00	25.50	
267	Phạm Minh Phúc	06/09/2011	Nam	049211008135	0	9.25	6.50	7.75	8.75	32.25	
268	Trương Minh Phúc	26/07/2011	Nam	049211007401	0	8.50	4.25	5.25	8.25	26.25	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
269	Bùi Mai Thanh Phương	22/09/2011	Nam	049211007945	0	7.00	4.50	2.50	6.75	20.75	
270	Lê Khánh Phương	24/03/2011	Nam	049211014469	0	9.50	6.25	3.50	5.75	25.00	
271	Lê Quảng Nhã Phương	13/08/2011	Nữ	049311015902	0	9.00	8.00	4.50	4.75	26.25	
272	Ngô Thị Hạnh Phương	28/06/2011	Nữ	042311008283	0	9.00	6.00	6.00	8.50	29.50	
273	Nguyễn Hồng Phương	27/04/2011	Nam	049211015279	0	9.00	4.75	2.00	5.00	20.75	
274	Phạm Ngân Phương	23/06/2011	Nữ	049311002504	0	9.50	7.75	4.75	7.50	29.50	
275	Nguyễn Văn Phước	20/01/2011	Nam	049211011459	0	9.25	6.25	6.50	5.25	27.25	
276	Đinh Anh Quân	31/10/2011	Nam	049211015994	0	9.00	3.75	5.50	5.00	23.25	
277	Nguyễn Anh Quân	24/03/2011	Nam	049211009342	0	10.00	5.75	7.25	6.00	29.00	
278	Nguyễn Đức Quân	14/05/2011	Nam	049211012316	0	10.00	5.25	5.75	8.25	29.25	
279	Nguyễn Hữu Anh Quân	28/04/2011	Nam	049211005394	0	9.50	6.50	5.00	6.00	27.00	
280	Phạm Văn Lê Quân	30/10/2011	Nam	049211016843	0	9.00	4.50	4.25	2.50	20.25	
281	Trần Văn Quân	14/04/2011	Nam	049211008573	0	8.50	5.00	3.00	4.75	21.25	
282	Đặng Lê Thảo Quyên	12/08/2011	Nữ	049311014419	0	10.00	7.75	7.50	8.00	33.25	
283	Huỳnh Thị Thanh Quyên	02/03/2011	Nữ	049311006393	0	9.25	5.75	4.75	7.00	26.75	
284	Lê Huỳnh Thục Quyên	16/11/2011	Nữ	049311001173	0	10.00	6.00	5.00	8.25	29.25	
285	Lê Thảo Quyên	03/06/2011	Nữ	049311013171	0	9.00	6.25	3.50	6.50	25.25	
286	Phan Nguyễn Bảo Quyên	02/03/2011	Nữ	049311012369	0	10.00	8.50	8.25	9.50	36.25	
287	Trần Hạnh Quyên	27/01/2011	Nữ	049311016070	0	9.75	7.00	7.00	8.00	31.75	
288	Mai Xuân Diễm Quỳnh	16/02/2011	Nữ	049311014040	0	9.00	4.25	4.75	6.25	24.25	
289	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	22/06/2011	Nữ	049311006941	0	10.00	7.50	4.50	5.25	27.25	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
290	Trần Thị Như Quỳnh	21/03/2011	Nữ	049311012986	0	10.00	6.50	6.50	6.00	29.00	
291	Võ Hương Quỳnh	25/09/2011	Nữ	049311004293	0	9.00	6.75	4.25	6.75	26.75	
292	Đào Trung Sang	04/02/2011	Nam	048211000053	0	9.50	6.75	9.00	8.25	33.50	
293	Lê Nguyễn Trường Sơn	06/10/2011	Nam	049211000422	0	9.25	6.25	6.25	7.75	29.50	
294	Nguyễn Văn Sơn	15/03/2011	Nam	049211003141	0	9.25	5.50	2.00	5.25	22.00	
295	Đoàn Ngọc Anh Tài	23/10/2011	Nam	049211015388	0	10.00	6.50	8.00	9.25	33.75	
296	Ngô Văn Tài	10/01/2011	Nam	049211004706	0	9.00	5.75	2.00	4.50	21.75	
297	Nguyễn Thành Tài	01/02/2011	Nam	049211010506	0	8.75	5.50	4.75	2.00	21.00	
298	Bùi Văn Tâm	06/03/2011	Nam	049211007002	0	8.00	4.25	6.25	5.50	24.00	
299	Lê Thanh Tâm	23/05/2011	Nữ	049311000750	0	9.00	5.75	4.25	2.75	21.75	
300	Nguyễn Lê Minh Tâm	02/12/2011	Nữ	049311003826	0	10.00	7.75	6.75	6.75	31.25	
301	Phạm Thị Mỹ Tâm	25/02/2011	Nữ	049311001767	0	9.00	6.25	4.50	4.75	24.50	
302	Trần Xuân Tâm	13/09/2011	Nam	049211004015	0	8.50	6.25	5.25	2.50	22.50	
303	Nguyễn Lê Minh Tấn	21/06/2011	Nam	049211017719	0	9.50	5.00	5.50	4.75	24.75	
304	Trần Đình Hoàng Thanh	28/10/2011	Nam	049211011022	0	8.50	5.00	2.25	6.25	22.00	
305	Lê Ngọc Thành	23/07/2011	Nam	049211009318	0	8.00	6.25	4.25	5.00	23.50	
306	Phan Văn Thành	06/10/2011	Nam	049211011329	0	8.00	4.75	5.75	6.00	24.50	
307	Bùi Nguyễn Phương Thảo	15/10/2011	Nữ	049311007558	0	9.75	6.75	5.50	6.00	28.00	
308	Lê Nguyễn Tiểu Thảo	01/04/2011	Nữ	049311008441	0	10.00	6.75	6.75	7.00	30.50	
309	Lê Thị Thu Thảo	24/08/2011	Nữ	049311000740	0	8.00	5.00	5.00	3.00	21.00	
310	Nguyễn Diệu Thảo	12/10/2011	Nữ	049311013863	0	9.50	6.50	5.25	5.00	26.25	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
311	Nguyễn Thị Minh Thảo	28/08/2011	Nữ	049311007480	0	8.00	5.75	4.00	3.25	21.00	
312	Nguyễn Thị Hồng Thắm	28/04/2011	Nữ	049311000753	0	9.25	6.00	4.75	7.25	27.25	
313	Đỗ Mạnh Thắng	23/04/2011	Nam	049211015296	0	8.00	5.25	5.25	4.00	22.50	
314	Phan Tân Phú Thiện	10/12/2011	Nam	049211015409	0	8.50	5.00	7.00	8.00	28.50	
315	Trần Thanh Gia Thiện	21/02/2011	Nam	049211006414	0	8.25	3.50	3.75	4.75	20.25	
316	Trương Ngọc Thiện	18/10/2011	Nam	049211003845	0	9.25	6.50	3.75	5.25	24.75	
317	Hồ Nguyễn Bảo Thịnh	13/11/2011	Nam	049211006528	0	9.00	6.00	6.75	6.50	28.25	
318	Lê Nguyễn Đức Thịnh	02/12/2011	Nam	049211016945	0	9.00	6.00	4.50	4.75	24.25	
319	Nguyễn Trường Thịnh	23/08/2011	Nam	049211008965	0	9.00	4.25	2.25	6.00	21.50	
320	Phạm Phú Thịnh	12/03/2011	Nam	049211000797	0	9.25	6.00	4.00	6.50	25.75	
321	Phạm Trần Xuân Thịnh	17/08/2011	Nữ	049311002526	0	9.75	6.50	7.00	5.50	28.75	
322	Nguyễn Trần Nhã Thủy	07/10/2011	Nữ	049311013733	0	9.00	5.75	4.75	7.75	27.25	
323	Dương Nguyễn Thanh Thủy	11/08/2011	Nữ	049311003551	0	9.25	7.25	7.00	8.25	31.75	
324	Nguyễn Thị Phương Thúy	01/03/2011	Nữ	049311009859	0	9.00	7.00	2.50	3.50	22.00	
325	Đỗ Thị Thanh Thư	25/02/2011	Nữ	049311000972	0	10.00	8.75	6.75	9.00	34.50	
326	Lê Đình Anh Thư	01/05/2011	Nữ	049311007713	0	10.00	7.75	8.00	6.75	32.50	
327	Lê Trần Đan Thư	18/09/2011	Nữ	049311015730	0	10.00	5.75	5.75	5.25	26.75	
328	Nguyễn Hoàng Anh Thư	30/09/2011	Nữ	049311014748	0	9.00	7.25	4.75	3.25	24.25	
329	Nguyễn Nhật Anh Thư	16/04/2011	Nữ	049311006993	0	10.00	6.50	4.75	8.50	29.75	
330	Nguyễn Trần Anh Thư	15/10/2011	Nữ	049311014415	0	10.00	8.50	7.75	8.75	35.50	
331	Nguyễn Trần Anh Thư	30/04/2011	Nữ	049311014880	0	9.75	6.50	6.25	8.00	30.50	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
332	Phạm Như Kỳ Thư	12/07/2011	Nữ	049311005038	0	8.50	7.00	4.25	4.25	24.00	
333	Trần Ngọc Anh Thư	17/09/2011	Nữ	049311010098	0	9.00	5.50	4.25	6.25	25.00	
334	Trương Anh Thư	06/07/2011	Nữ	049311008965	0	8.50	6.25	6.00	5.50	26.25	
335	Nguyễn Lê Hoài Thương	15/05/2011	Nữ	049311010370	0	9.75	8.00	4.75	6.75	29.25	
336	Phan Đặng Ái Thy	18/12/2011	Nữ	049311008379	0	10.00	7.75	9.00	8.50	35.25	
337	Nguyễn Thanh Tiến	23/02/2011	Nam	049211007266	0	9.00	4.00	1.75	5.50	20.25	
338	Phạm Huy Tin	11/01/2011	Nam	049211008462	0	10.00	2.25	2.75	5.25	20.25	
339	Kỳ Trung Tín	27/08/2011	Nam	048211001954	0	9.00	3.75	6.25	3.25	22.25	
340	Nguyễn Anh Toàn	23/08/2011	Nam	048211003291	0	9.00	5.50	6.25	4.25	25.00	
341	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	04/09/2011	Nữ	049311013692	0	9.00	7.50	3.75	3.00	23.25	
342	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	07/02/2011	Nữ	049311000722	0	9.50	4.00	6.00	8.75	28.25	
343	Trần Thùy Trang	13/04/2011	Nữ	049311000982	0	10.00	5.50	5.25	4.50	25.25	
344	Võ Lê Huyền Trang	23/07/2011	Nữ	040311028889	0	8.50	6.75	3.25	5.25	23.75	
345	Đặng Bích Trâm	16/01/2011	Nữ	049311007806	0	9.25	6.00	4.50	4.00	23.75	
346	Đỗ Huỳnh Thục Trâm	16/10/2011	Nữ	049311001930	0	9.00	5.50	4.00	6.00	24.50	
347	Lê Thị Bảo Trâm	23/09/2011	Nữ	049311009213	0	8.50	5.75	4.00	4.50	22.75	
348	Nguyễn Thị Bảo Trâm	07/09/2011	Nữ	049311001218	0	9.50	6.50	4.75	3.50	24.25	
349	Nguyễn Võ Kiều Trâm	14/02/2011	Nữ	049311007766	0	8.50	6.25	6.25	6.00	27.00	
350	Phạm Thị Vy Trâm	10/09/2011	Nữ	049311003959	0	9.00	6.00	3.25	4.75	23.00	
351	Phạm Trần Bảo Trâm	24/03/2011	Nữ	049311010321	0	9.75	6.00	5.25	7.75	28.75	
352	La Nhã Trân	26/02/2011	Nữ	049311010752	1	9.25	4.75	3.50	6.00	24.50	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
353	Lê Dương Bảo Trân	16/12/2011	Nữ	049311003259	0	10.00	6.50	5.25	6.50	28.25	
354	Lê Hoàng Bảo Trân	11/06/2011	Nữ	048311001840	0	9.50	7.00	6.50	7.50	30.50	
355	Ngô Hoàng Bảo Trân	30/06/2011	Nữ	049311014082	0	9.50	5.75	5.75	6.75	27.75	
356	Nguyễn Bảo Trân	17/05/2011	Nữ	049311012114	0	9.25	5.75	4.00	6.25	25.25	
357	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	08/07/2011	Nữ	049311010764	0	8.00	4.25	3.25	5.75	21.25	
358	Tưởng Bảo Trân	12/02/2011	Nữ	049311003452	0	10.00	7.75	7.00	8.25	33.00	
359	Trần Văn Minh Triết	27/01/2011	Nam	046211007429	0	9.50	6.75	5.25	7.00	28.50	
360	Dương Đức Trí	20/11/2011	Nam	049211009948	0	8.50	5.00	7.00	6.25	26.75	
361	Hồ Minh Trí	07/03/2011	Nam	049211004533	0	9.75	6.50	6.75	6.25	29.25	
362	Lê Viết Trí	07/03/2011	Nam	049211009224	0	9.00	6.00	5.00	4.75	24.75	
363	Nguyễn Xuân Trọng	25/05/2011	Nam	049211014083	0	9.50	6.50	5.50	4.00	25.50	
364	Cù Thanh Trung	30/05/2011	Nam	049211014209	0	8.00	4.50	4.75	4.50	21.75	
365	Lê Văn Trung	12/07/2011	Nam	049211016015	0	10.00	8.50	6.25	5.50	30.25	
366	Phạm Thành Trung	10/10/2011	Nam	049211005072	0	8.50	5.50	5.75	2.00	21.75	
367	Lê Thị Thanh Trúc	24/12/2011	Nữ	060311007276	0	10.00	8.00	7.25	4.50	29.75	
368	Mậu Thanh Trúc	07/10/2011	Nữ	049311010830	0	8.00	5.75	4.25	2.50	20.50	
369	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	14/05/2011	Nữ	049311007847	0	10.00	6.75	6.00	8.50	31.25	
370	Phạm Thị Ánh Tuyết	10/11/2011	Nữ	049311002030	0	9.00	6.75	3.75	2.50	22.00	
371	Trần Nguyễn Thanh Tuyết	22/06/2011	Nữ	049311013347	0	8.50	5.25	5.25	5.25	24.25	
372	Lê Anh Tú	23/05/2011	Nam	049211010881	0	8.00	6.00	5.25	2.25	21.50	
373	Trần Mai Thanh Tú	08/03/2011	Nữ	049311000983	0	9.00	7.25	4.25	5.00	25.50	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
374	Trần Nguyễn Thiên Tú	01/05/2011	Nữ	049311014695	0	10.00	8.25	7.25	7.75	33.25	
375	Võ Tuấn Tú	27/05/2011	Nam	049211000181	0	10.00	6.50	8.25	8.75	33.50	
376	Hà Ngô Cát Tường	16/03/2011	Nữ	048311008124	0	10.00	8.00	7.75	9.75	35.50	
377	Nguyễn Duy Tường	09/09/2011	Nam	049211006178	0	10.00	7.25	8.50	9.00	34.75	
378	Đặng Huỳnh Thục Uyên	04/07/2011	Nữ	049311015414	0	9.75	7.50	4.00	3.50	24.75	
379	Đỗ Thị Phương Uyên	14/03/2011	Nữ	049311013915	0	9.25	5.50	3.00	3.75	21.50	
380	Huỳnh Vũ Lâm Uyên	31/03/2011	Nữ	049311000220	0	10.00	8.25	6.75	9.25	34.25	
381	Lê Võ Tịnh Uyên	21/06/2011	Nữ	049311002122	0	10.00	8.00	5.25	8.00	31.25	
382	Lưu Nhã Uyên	31/05/2011	Nữ	049311003676	0	9.25	6.50	5.75	8.00	29.50	
383	Nguyễn Nhật Uyên	29/05/2011	Nữ	049311008138	0	10.00	7.50	7.50	10.00	35.00	
384	Võ Nguyễn Phương Uyên	22/09/2011	Nữ	049311003335	0	10.00	7.50	8.00	6.75	32.25	
385	Huỳnh Kim Văn	10/10/2011	Nam	049211011778	0	8.50	6.00	6.25	8.50	29.25	
386	Phạm Bá Hoàng Văn	15/05/2011	Nam	049211000667	0	9.25	5.50	4.00	4.50	23.25	
387	Lê Thị Thanh Vân	08/01/2011	Nữ	049311015050	0	10.00	8.25	4.25	6.50	29.00	
388	Phan Nguyễn Anh Viên	24/11/2011	Nam	049211000996	0	9.00	6.00	2.50	6.25	23.75	
389	Đinh Thuần Việt	23/06/2011	Nam	049211002846	0	10.00	6.00	7.75	8.50	32.75	
390	Võ Hoàng Việt	09/10/2011	Nam	049211014538	0	8.50	5.50	6.25	4.00	24.25	
391	Đinh Công Vinh	22/10/2011	Nam	049211015936	0	9.25	5.75	4.75	4.00	23.75	
392	Huỳnh Trương Vũ	27/08/2011	Nam	049211007053	0	9.00	5.50	3.50	5.50	23.50	
393	Ngô Hoàng Vũ	14/02/2011	Nam	049211010175	0	9.25	6.00	4.50	3.00	22.75	
394	Trần Văn Tuấn Vũ	04/04/2011	Nam	049211014042	0	10.00	7.75	9.00	10.00	36.75	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Điểm ưu tiên	Điểm 4 năm THCS	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Điểm XT	Ghi chú
395	Đặng Công Vương	06/05/2011	Nam	049211011024	0	8.50	5.75	3.50	6.50	24.25	
396	Lê Hồ Quốc Vương	19/02/2011	Nam	049211004067	0	9.50	4.75	5.50	4.50	24.25	
397	Dương Khánh Vy	13/09/2011	Nữ	049311005495	0	9.00	7.00	3.25	3.50	22.75	
398	Lê Đình Hoàng Vy	22/05/2011	Nữ	049311001825	0	9.75	8.25	7.50	7.75	33.25	
399	Lê Hoài Hiền Vy	06/05/2011	Nữ	049311006109	0	10.00	7.75	9.00	9.75	36.50	
400	Nguyễn Huỳnh Minh Vy	13/01/2011	Nữ	079311004293	0	9.00	4.75	6.75	4.25	24.75	
401	Nguyễn Thị Hà Vy	26/06/2011	Nữ	049311003052	0	9.00	7.50	4.00	4.00	24.50	
402	Nguyễn Thị Khánh Vy	04/11/2011	Nữ	049311009854	0	9.25	5.50	4.75	5.75	25.25	
403	Phạm Nguyễn Tường Vy	22/08/2011	Nữ	049311006427	0	9.25	6.50	3.75	5.50	25.00	
404	Trần Mai Kiều Vy	01/08/2011	Nữ	049311003251	0	8.50	5.75	4.75	4.00	23.00	
405	Nguyễn Gia Vỹ	25/07/2011	Nam	049211008514	0	8.75	7.25	5.50	7.00	28.50	
406	Lê Nguyễn Thanh Xuân	17/05/2011	Nữ	049311008243	0	10.00	8.00	8.50	9.25	35.75	
407	Lê Thị Ngọc Yến	28/09/2011	Nữ	049311002730	0	8.50	5.75	5.75	3.50	23.50	
408	Nguyễn Thị Bảo Yến	16/07/2011	Nữ	049311002433	0	9.00	5.50	4.75	3.00	22.25	

(Danh sách này có 408 học sinh)